

Giới Thiệu KINH PHÁP HOA
TT.Thích Viên Giác

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 16-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

1. Sự xuất hiện của Kinh Pháp Hoa
2. Bối cảnh lịch sử
3. Quá trình phiên dịch và truyền bá
4. Cấu trúc và nội dung Kinh Pháp Hoa
5. Kết luận

---o0o---

Lời Mở Đầu

Kinh Pháp Hoa là một trong những bộ kinh lớn của hệ thống Kinh tạng Đại thừa Phật giáo, được các học giả phương Tây cho là 1 trong 20 Thánh thư phương Đông. Sự hành trì tụng niệm một cách sâu rộng và bền bỉ của Phật tử đối với Kinh Pháp Hoa cho thấy rằng đây là một bộ kinh đặc biệt về cả hai mặt triết lý và huyền bí. Ở Việt Nam, Kinh Pháp Hoa được trì tụng hàng ngày như một thời khóa tu học kể cả chư tăng lẫn Phật tử tại gia. Vì vậy rất khó mà nói hết được giá trị của Kinh Pháp Hoa và tại sao lại có tác dụng rộng lớn như thế. Sự nghiên cứu về mặt lịch sử cũng như khái quát bố cục nội dung kinh là điều cần thiết cho những Phật tử quan tâm đến bộ kinh lớn này.

1. Sự xuất hiện của Kinh Pháp Hoa

Theo các tài liệu về lịch sử Phật giáo hiện đại như ĐẠI THỪA PHẬT GIÁO TƯ TƯỞNG LUẬN của Kimura - Taiken cũng như một số tài liệu khác thì Phật giáo Đại thừa có mặt tại Ấn Độ vào khoảng thế kỷ thứ I trước Tây lịch cho đến thế kỷ thứ I sau Tây lịch. Đại thừa phát triển mạnh mẽ vào thế kỷ thứ II trở đi. Kinh Pháp Hoa xuất hiện vào khoảng thế kỷ thứ II. Sự phát triển Phật giáo Đại thừa là tất yếu để đáp ứng nhu cầu tâm thức và tâm linh

của thời đại. Trước Pháp Hoa, kinh điển Đại thừa đã xuất hiện khá phong phú như Bát Nhã, Hoa Nghiêm, Duy Ma Cật v.v... Pháp Hoa xuất hiện như là bước tiếp nối tổng hợp tư tưởng Đại thừa của các kinh trên.

2. Bối cảnh lịch sử

Sau khi Đức Phật nhập diệt 100 năm, giáo đoàn bắt đầu phân phái. Những quan điểm, giải thích giáo lý, giới luật có sự khác biệt giữa các nhóm, các phái và giữa các vùng khác nhau. Sự phân chia tông phái ngày mỗi tăng, có đến 20 tông phái. Tinh thần giáo lý Nguyên thủy được ghi nhớ và giải thích phần nào lệch lạc.

Tăng đoàn của mỗi phái cố gắng thiết lập cho mình một căn cứ địa về mặt địa lý cũng như về mặt tư tưởng để củng cố học thuyết và hệ phái của mình. Đường lối sinh hoạt và tu tập của chư tăng ngày càng cách biệt với quần chúng và quần chúng cũng không biết theo ai. Sinh khí của giáo lý thực tiễn cứ khổ thừa ban đầu bị xói mòn, khô cứng, dần dần đi vào tư biện triết học. Phật giáo Ấn Độ trong tình trạng như vậy bị co cụm với những lý thuyết khô khan.

Trong khi đó, triết lý Bà-la-môn đang có chiều hướng phát triển và tranh chấp ảnh hưởng với Phật giáo, nhu cầu phát triển đổi mới, tạo tác dụng thực tiễn của giáo lý vào đời sống xã hội là một nhu cầu bức xúc.

Đại thừa xuất hiện trong bối cảnh ấy, những người Phật tử trí thức và đầy tâm huyết muốn thấy Phật giáo có sự sống sinh động và có tác dụng tích cực như thời Đức Phật, họ đứng lên khởi xướng phong trào mới là Đại thừa (Mahayana), tức cỗ xe lớn chứa được nhiều người đến nơi Phật quả. Phật giáo truyền thống được coi là Tiểu thừa tức cỗ xe nhỏ, ích kỷ, chỉ thành tựu A-la-hán quả.

Sự va chạm giữa Đại thừa và Tiểu thừa đã xảy ra một cách mạnh mẽ, đến độ không ai chấp nhận ai. Những kinh điển Đại thừa lần lượt xuất hiện phát dương lý tưởng Đại thừa, giải thích giáo lý mang tính tích cực và đại chúng hơn. Bát Nhã là bộ kinh lớn xuất hiện khá sớm, triển khai tư tưởng Chân không tích cực đả phá Tiểu thừa, cho rằng Thanh văn và Duyên giác không phải là con của Phật. Kinh Hoa Nghiêm chủ trương pháp giới duyên khởi, nhưng vẫn coi Tiểu thừa là thấp kém hạ liệt. Đến Duy Ma Cật thì Tiểu thừa bị chỉ trích thậm tệ.

Sự đả phá chỉ trích lẫn nhau đã dẫn đến không chấp nhận nhau làm cho Phật giáo suy yếu. Đại thừa, mặc dù đã đưa ra đường lối tu tập sinh động hơn, nhưng bên cạnh đó tạo ra môi mâu thuẫn mới và lớn lao hơn.

Nhu cầu về con đường hòa giải trở nên cấp thiết, xu hướng phê phán sự xung đột và mâu thuẫn trong Phật giáo ngày càng mạnh, tạo áp lực nhất định vào tâm tư của thời đại, Kinh Bách Dụ, một tác phẩm xuất hiện vào thế kỷ thứ II, đưa ra chuyện ngụ ngôn : Hai người đệ tử bóp chân thầy. Họ thường ghét nhau nên hành hạ nhau bằng cách lấy đá đánh gãy chân thầy mà người kia đang bóp. Người kia tức giận trả thù bằng cách cũng lấy đá đánh gãy chân thầy của người nọ. Ngài Tăng Già Tư Na, tác giả của Bách Dụ nhận xét : “Cũng như người học Phật, người nghiên cứu Đại thừa bài bác Tiểu thừa, người nghiên cứu Tiểu thừa bài bác Đại thừa, làm cho giáo pháp cả hai đều mất”.

Trong bối cảnh đó, Kinh Pháp Hoa xuất hiện, chủ trương hòa giải mọi mâu thuẫn gay gắt của các dòng tư tưởng Đại thừa trước đó đối với giáo lý truyền thống, tạo sự thống nhất về tư tưởng và đường lối Phật giáo. Mặt khác, Pháp Hoa cũng tổng hợp những tư tưởng cốt tủy của Bát Nhã, Hoa Nghiêm, Duy Ma, đồng thời mở ra chân trời mới cho mọi con người trong xã hội : Ai ai cũng có Phật tánh, ai ai cũng có khả năng thành Phật.

Kinh Pháp Hoa không trình bày chân lý theo khía cạnh triết học hoặc chuyên môn, mà theo cách mới có tính đại chúng, thực tiễn và dễ hiểu. Nhờ những đặc thù trên mà Kinh Pháp Hoa được coi là vua của các kinh.

3. Quá trình phiên dịch và truyền bá

Kinh Pháp Hoa được dịch rất sớm và có rất nhiều bản dịch khác nhau. Chi Khiêm, người nước Ngô thời Tam Quốc (225-253 TL) đã dịch riêng phẩm Thí Dụ gọi là Phật Dĩ Tam Xa Hoán Kinh. Tiếp sau đó các nhà dịch thuật đã dịch 6 bản khác nhau :

1. Pháp Hoa Tam Muội Kinh 6 quyển, ngài Cương Lương tiếp đời Tôn Lương (225 TL) dịch.
2. Tát Vân Phần Đà Ly Kinh 6 quyển, ngài Trúc Pháp Hộ dịch phần đầu, đời Tây Tấn (265 TL).

3. Chánh Pháp Hoa 10 quyển, cũng do ngài Pháp Hộ dịch lần cuối, đời Tây Tấn (286 TL).
4. Phương Đăng Pháp Hoa Kinh 5 quyển, ngài Chi Đạo Căn dịch, đời Đông Tấn (335 TL).
5. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh 7 quyển, sau đổi thành 8 quyển, ngài Cru-ma-la-thập dịch năm 406 đời Dao Tấn.
6. Thiêm phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh 7 quyển, do hai ngài Xà-la-hốt-đa (Jnānagupta) và Đạt-ma-cấp-đa (Dharmagupta) cùng dịch vào đời Tùy (601 TL).

Sáu bản dịch trên, nay chỉ còn 3 bản trong Đại Tạng là Chánh Pháp Hoa, Diệu Pháp Liên Hoa, Thiêm phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Trong các bản này có sự sai khác đôi chút.

Kinh Pháp Hoa phải trải qua nhiều giai đoạn mới hoàn thành như hiện nay. Có thể chia thành 4 giai đoạn :

- Giai đoạn 1 : Pháp Hoa mang tính đại chúng được viết bằng tiếng Prakrit, phần trùng tụng xuất hiện trước.
- Giai đoạn 2 : Được thêm vào phần văn xuôi để làm cho phần kệ tụng được rõ hơn (sau này ta tưởng là phần kệ tụng tóm tắt phần văn xuôi).
- Giai đoạn 3 : Phát triển thêm phần văn xuôi. Khi so sánh các bản Phạn thì các bản cổ văn xuôi ngắn hơn, các bản về sau văn xuôi lại dài hơn.
- Giai đoạn 4 : Phát triển thêm bản mới, bản Phạn cũ chỉ có 27 phẩm, sau thêm phẩm Đề Bà Đạt Đa thành 28.

Hiện nay có nhiều bản Phạn ngữ Kinh Pháp Hoa được tìm thấy từ Tây Tạng, Népal, Kotan... Đại Tạng Hán ngữ nay còn 03 bản. Bản của ngài La Thập dịch thì được ưa chuộng hơn và phổ biến hơn. Ngoài bản dịch ra Hán ngữ còn các bản dịch khác của Mông Cổ, Mãn Châu, Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam rất phong phú.

Sự nghiên cứu và lưu truyền Kinh Pháp Hoa rất sâu rộng, ở Ấn Độ ngài Long Thọ (Nagarjuna) khi trứ tác Đại Trí Độ Luận đã dẫn chứng Kinh Pháp Hoa và Ngài có một tác phẩm giải thích Pháp Hoa là Pháp Hoa Thích Luận. Ngài Thế Thân, một Luận sư nổi tiếng có lược dịch và giải thích Pháp Hoa qua bộ Pháp Hoa Luận. Ở Trung Hoa, những bản chú giải, sơ giải về Pháp Hoa của các nhà nghiên cứu Phật học qua các thời đại rất nhiều, nổi bật là Trí Giả Đại sư (538) của tông Thiên Thai với các tác phẩm nổi tiếng như Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Pháp Hoa Văn Cú, Ma Ha Chỉ Quán v.v...

Kinh Pháp Hoa đóng một vai trò quan trọng không những ở Ấn Độ mà còn ở Trung Hoa, Nhật Bản và các nước theo truyền thống Đại thừa. Chưa có công trình nào đánh giá hết được tác dụng của kinh đối với xã hội nhân sinh ở các nước trên đến mức nào.

4. Cấu trúc và nội dung Kinh Pháp Hoa

a). Ngôn ngữ Pháp Hoa :

Kinh Pháp Hoa được trình bày dưới hình thức một vở kịch có nhiều màn, nên nó mang tính đại chúng dễ hiểu. Đó là cách truyền đạt chân lý cao siêu qua cái bình thường thông tục. Vì vậy ngôn ngữ Pháp Hoa diễn đạt mục tiêu không phải là sự kiện mà chính là sự thật chứa ở bên trong. Nói cách khác, ngôn ngữ Pháp Hoa mang tính biểu tượng.

Chân lý thì toàn diện, siêu việt, trong khi đó, ngôn ngữ thì phiếm diện, giới hạn, cho dù sử dụng ngôn ngữ tinh xảo cách mấy cũng không chuyển tải hết sự thật, vì vậy Pháp Hoa chọn cách sử dụng ngôn ngữ biểu tượng để chuyển tải sự thật đến mức tối đa.

b). Cấu trúc kinh :

Kinh Pháp Hoa có 28 phẩm :

1. Phần đầu gọi là Tựa, tức là phẩm mở đầu.
2. Phẩm Phương Tiện (sự khéo léo).
3. Phẩm Thí Dụ.

1. Phẩm Tín Giải (niềm tin vững chắc).
2. Phẩm Dược Thảo Dụ (thí dụ về cây thuốc).
3. Phẩm Thọ Ký (xác nhận thành Phật).
4. Phẩm Hóa Thành Dụ (thí dụ về thành phố biến hóa).
5. Phẩm Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký (xác nhận cho 500 đệ tử thành Phật).
6. Phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký (xác nhận cho những người cần phải học và người không cần phải học thành Phật).
7. Phẩm Pháp Sư (Thầy dạy pháp).
8. Phẩm Hiện Bảo Tháp (hóa hiện tháp báu).
9. Phẩm Đề Bà Đạt Đa.
10. Phẩm Trì (giữ gìn kinh).
11. Phẩm An Lạc Hạnh.
12. Phẩm Tùng Địa Đồng Xuất (từ đất vọt ra).
13. Phẩm Như Lai Thọ Lượng.
14. Phẩm Phân Biệt Công Đức.
15. Phẩm Tùy Hỷ Công Đức.
16. Phẩm Công Đức Pháp Sư.
17. Phẩm Thường Bất Khinh Bồ-tát.
18. Phẩm Như Lai Thần Lực.
19. Phẩm Chúc Lụy (dặn dò).
20. Phẩm Dược Vương Bồ-tát.

21. Phẩm Diêu Âm Bồ-tát.
22. Phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát.
23. Phẩm Đà-la-ni (Dharana – mật chú).
24. Phẩm Diêu Trang Nghiêm Vương Bồn Sự (chuyện về vua Diêu Trang Nghiêm).
25. Phẩm Phổ Hiền Bồ-tát Khuyến Phát (sự khuyến khích của Bồ-tát Phổ Hiền)

Các tựa đề nói lên toàn bộ hay một phần nội dung của một phẩm.

c). Nội dung :

Đề kinh tiếng Phạn là Saddharma Pundarika Sutra. Từ “Sad” ngài Pháp Hội dịch là Chánh, ngài La Thập dịch là Diêu; “Dharma” là pháp; “Pundarika” là hoa sen trắng; “Sutra” là kinh. Dịch là Diêu Pháp Liên Hoa Kinh, gọi tắt là Pháp Hoa Kinh.

Diêu pháp là chân lý. Chân lý có chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối. Hoa sen trắng tượng trưng cho sự thanh khiết, thanh tịnh, không ô nhiễm. Vậy Diêu pháp là Thật tướng không tách khỏi cuộc đời bụi bặm. Trong cõi ô trược, chúng sanh vẫn có thể vươn lên giải thoát hoàn toàn, như hoa sen mọc ở trong bùn mà vươn lên trên bùn, không bị ô nhiễm mà còn tỏa sắc hương.

Thông thường, nội dung Kinh Pháp Hoa được giới thiệu trình bày qua hai hình thức :

a). Giới thiệu kinh qua chủ đề “Khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến” : Phẩm Tựa trình bày tổng quát hiện tượng và bản thể của vũ trụ pháp giới. Phẩm 2 đến phẩm 10 mở bày cái thấy biết của Phật. Phẩm 11 đến 22 chỉ cho thấy chỗ thâm áo của Phật tri kiến. Phẩm 23 đến 28 nói về thể nhập Phật tri kiến.

b). Giới thiệu kinh qua khái niệm về Tích môn và Bồn môn của tông Thiên Thai. Kinh Pháp Hoa chia làm 2 phần : 14 phẩm đầu thuộc Tích môn, 14 phẩm sau thuộc Bồn môn.

Phần Tích môn chia làm 3 phần : Dẫn nhập, chánh tông và kết luận. Phẩm 1 là dẫn nhập, phẩm 2 đến phẩm 9 là chánh tông, phẩm 10 đến 14 là kết.

Phần Bồn môn cũng chia làm 3 phần như trên. Nửa đầu phẩm 15 là phần dẫn nhập (có nơi cho rằng phẩm 1 là phần dẫn nhập cho cả 2 môn). Nửa phần sau của phẩm 15 đến phẩm 16 và nửa đầu phẩm 17 là phần chánh tông, nửa sau của phẩm 17 cho đến phẩm 28 là phần kết.

Phần Tích môn là phần giáo lý của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni có sanh ra, lớn lên, xuất gia, thành đạo, nhập diệt, dạy giáo lý thoát khổ ở cõi thế gian này. Trong kinh, phần nào thuyết pháp ở núi Linh Thứu thì thuộc về Tích môn, còn gọi là Chân lý tương đối.

Phần Bồn môn là phần gốc, là nền tảng của Tích môn. Nghĩa là Đức Phật đã thành Phật từ vô lượng kiếp. Phật hiện hữu suốt chiều dài của thời gian và phổ biến cả không gian. Chân lý của Bồn môn là tuyệt đối. Nhờ giáo lý Bồn môn mà lý giải tất cả chúng sanh đều thành Phật, vì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đây là điểm đặc thù của Pháp Hoa.

5. Kết luận

Kinh Pháp Hoa đóng một vai trò quan trọng trong công cuộc hàn gắn sự đổ vỡ của các trường phái Phật giáo. Mặt khác đặt lại giá trị của mọi đường lối tu tập và nhất là giá trị tâm thức hướng thiện, hướng thượng của mọi chúng sanh. Sự tồn tại của Đức Phật là vĩnh cửu, mọi hiện tượng dưới con mắt người giác ngộ đều là biểu hiện chân lý. Ý tưởng này đã làm nền tảng cho tư tưởng Đại thừa và con đường thực hành Bồ-tát hạnh.

Với một đường lối dung hòa, với tư tưởng pháp chân không siêu thoát, Kinh Pháp Hoa đã đạt được mục đích của mình là khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến. Có lẽ cũng vì vậy mà kinh được tôn thờ quý kính, hành trì và phổ biến một cách sâu rộng.

--- o0o ---
Hết

